

Bảng Phân tích Nhu cầu Tài chính

I. Thông tin Khách hàng:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A Ngày sinh: 01/01/1994
Giới tính: Nam Nữ
Tình trạng hôn nhân: Độc thân Đã kết hôn Ly hôn Góa

II. Thông tin tài chính:

Bảng phân tích này nhằm mục đích nhận diện nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm dựa trên khả năng tài chính của Quý khách, là cơ sở để Chubb Life cung cấp giải pháp tài chính phù hợp trong danh mục sản phẩm của Công ty.

Quý khách vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây dựa trên khả năng và nhu cầu tài chính của mình.

NHU CẦU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nhu cầu Khách hàng quan tâm	SỐ TIỀN CẦN CÓ (1)	SỐ TIỀN ĐÃ CÓ (2)	KHOẢN THIẾU HỤT (1)-(2)
Bảo vệ tài chính				
Rủi ro Tử vong, Tai nạn, thương tật	<input checked="" type="checkbox"/>	2.000		2.000
Bệnh nan y	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
Tiết kiệm/Tích lũy				
Kế hoạch học vấn cho con	<input type="checkbox"/>			0
Kế hoạch tuổi hưu an nhàn	<input type="checkbox"/>			0
Đầu tư				
Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	400		400
Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	<input type="checkbox"/>			0
Nhu cầu khác	<input type="checkbox"/>			0
Tổng cộng		2.900	0	2.900

KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thông tin thu nhập (1)		Thông tin chi phí (2)	
Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình	100	Chi phí bình quân hàng tháng của gia đình	40
Thu nhập bình quân hàng năm của gia đình	1.200	Chi phí bình quân hàng năm của gia đình	480
Khả năng tài chính = Thu nhập – Chi phí		720	

III. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi hiểu rõ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này chỉ nhằm mục đích giúp tôi nhận diện nhu cầu và mục tiêu tài chính. Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và đây không phải là một văn bản mang tính kết luận. Bảng phân tích nhu cầu tài chính này được hoàn thành dựa trên các thông tin do tôi cung cấp.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc lựa chọn sản phẩm bảo hiểm/kế hoạch bảo hiểm tham gia và/hoặc việc thay đổi về các giải pháp bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nộp về Công ty, nếu có.

Ngày Tháng Năm	Chữ ký	Họ tên
Khách hàng		NGUYỄN VĂN A

Ngày Tháng Năm	Mã số	Họ tên
Đại diện Kinh doanh		

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính Trọn đời Quyền lợi Cao cấp 2015

Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Cao cấp 2015 là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế để Quý khách chủ động xác định nhu cầu bảo hiểm và kế hoạch đóng phí bảo hiểm.



Ổn định trong 10 năm

An tâm khi người thân được duy trì mức sống ổn định trong 10 năm



Bảo vệ toàn diện

trước rủi ro về tai nạn và Bệnh Nan Y



Đa dạng Quyền lợi bảo vệ

với các Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng đính kèm



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”)

hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.



Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Thông tin liên hệ

Điện thoại: (84-28) 3827 8989

Hotline: (84-28) 3827 8123

Fax: (84-28) 3821 9000

E-mail: chubblife.vietnam@chubb.com

Website: <https://life.chubb.com/vn>

Thông tin Đại diện kinh doanh (ĐDKD):

Họ và Tên:

Mã số ĐKKD:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Cơ bản:

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1994	30	2
Người được Bảo hiểm (NĐBH) 1	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1994	30	2

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA

Đơn vị tính: đồng

Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015		Điều kiện Bảo hiểm (*)	Mệnh giá Bảo hiểm (MGBH)	Tuổi NĐBH khi đáo hạn	Phí Bảo hiểm (Phí BH) cơ bản (**)
<i>Lựa chọn A</i>					
1	QLBH Cơ bản	S/S	500.000.000	99	4.250.000
2	QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng	S/S	500.000.000	65	1.650.000
3	QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	S/S	500.000.000	65	1.700.000
4	QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng	S/S	200.000	65	434.000
5	QLBH theo mức độ cho bệnh nan y	S/S	500.000.000	75	6.950.000

Tổng cộng: 14.984.000

<input checked="" type="checkbox"/> Năm	<input type="checkbox"/> Nửa năm	<input type="checkbox"/> Quý
---	----------------------------------	------------------------------

Phí BH đóng theo kỳ (1):	14.984.000	7.492.000	3.746.000
Phí BH đóng thêm (dự kiến) (2):	0	0	0
Phí BH dự kiến đóng theo kỳ (3 = 1 + 2):	14.984.000	7.492.000	3.746.000
Thời gian đóng phí (dự kiến):	20 năm		

Ghi chú:

- (*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- (**) Phí BH cơ bản bao gồm Phí Bảo hiểm cơ bản của Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản và Phí Bảo hiểm cơ bản và (các) Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng (nếu có). Bên mua Bảo hiểm phải đóng Phí Bảo hiểm cơ bản đầy đủ và đúng hạn trong 02 Năm hợp đồng đầu tiên.
- ❖ Thời hạn đóng Phí bảo hiểm: BMBH phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí Bảo hiểm cơ bản cho mỗi năm trong 02 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể đóng phí linh hoạt từ năm thứ 03 trở đi cho đến khi kết thúc Thời gian đóng phí dự kiến hoặc Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm, nhưng phải đảm bảo Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng hàng tháng để Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH) duy trì hiệu lực.
- ❖ Khách hàng có nghĩa vụ kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến Bên mua Bảo hiểm và Người được Bảo hiểm.
- ❖ Quy tắc và Điều khoản, các biểu mẫu và tài liệu của Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A được đăng tải tại website: <https://www.chubb.com/vn-vn/personal/executive-universal-life-plus.html>
- Quý khách vui lòng truy cập theo các đường dẫn nêu trên để tìm hiểu và tham khảo nội dung thông tin chi tiết. Trường hợp cần hỗ trợ và/hoặc giải đáp các thắc mắc, Quý khách vui lòng liên hệ với Chubb Life theo các thông tin nêu tại trang 4 của tài liệu minh họa này.

III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM

A. Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm (đồng)
QLBH Cơ bản	Tử vong	500.000.000 hoặc Giá trị Tài khoản Hợp đồng (lấy giá trị nào lớn hơn) <i>Nếu Sự kiện Bảo hiểm xảy ra khi NDBH nhỏ hơn 4 Tuổi bảo hiểm, Mệnh giá Bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo giới hạn Tuổi bảo hiểm.</i>
Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng		
QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng	Chấn thương, bỏng hoặc tàn tật do tai nạn	% của 500.000.000 tùy theo tỷ lệ thương tật
	Tử vong do Tai nạn khi đang du lịch nước ngoài do công ty du lịch của Việt Nam tổ chức	1.500.000.000
	Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên phương tiện vận chuyển công cộng	1.000.000.000
	Tử vong do tai nạn	500.000.000
QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	500.000.000
QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng	Nằm viện điều trị	<ul style="list-style-type: none"> • 200.000/ Ngày nằm viện do Bệnh • 300.000/ Ngày nằm viện do Tai nạn • 400.000/ Ngày nằm viện điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực Và, nhận thêm lên đến 4.000.000 đồng nếu có Phẫu thuật
QLBH theo mức độ cho bệnh nan y	Mức Bệnh Nan Y Mức độ 1	150.000.000
	Mức Bệnh Nan Y Mức độ 2	300.000.000; đồng thời miễn khấu trừ Phí rủi ro của QLBH này
	Mức Bệnh Nan Y Mức độ 3	500.000.000
B. Quyền lợi Đầu tư	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Đầu tư ⁽¹⁾	Hàng tháng	BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHD dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố nhưng không thấp hơn mức Lãi suất đảm bảo tại thời điểm chi trả.

C. Quyền lợi khác	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn	Ngày đáo hạn HĐBH	Giá trị Tài khoản Hợp đồng

Lưu ý:

(1) Vui lòng tham khảo Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life tại mục IV. [THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG](#)

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả của các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm.

IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ hợp đồng khác của Chubb Life. Quỹ Liên kết chung được quản lý và đầu tư phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nhằm đảm bảo quyền lợi của Bên mua Bảo hiểm, Chubb Life cam kết thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các kênh đầu tư có tính ổn định cao như: trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tiền gửi ngân hàng dài hạn; chứng chỉ quỹ; cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh; và một số kênh đầu tư ổn định khác. Chính sách đầu tư, mục tiêu và cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ Liên kết chung được cập nhật thường xuyên trên Trang tin điện tử trên mạng Internet (website) của Chubb Life.

Nội dung chi tiết về chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life, Quý khách vui lòng tham khảo Điều 13 của Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A.

2. Lãi suất công bố bình quân áp dụng cho Quỹ Liên kết chung của Chubb Life trong các năm qua:

Năm	Lãi suất công bố bình quân	Phí quản lý quỹ
2019	5,49%	2,00%
2020	5,16%	2,00%
2021	4,44%	1,69%
2022	4,20%	1,66%
2023	4,50%	1,73%

V. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 2 Năm hợp đồng đầu tiên

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu		Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng		Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	31	4.250	10.734	2.338	5.904	6.743	2.765	2.765	300
2	32	4.250	10.734	1.488	3.757	9.740	2.992	2.992	300
3	33	-	-	-	-	-	3.098	3.097	300
4	34	-	-	-	-	-	3.198	3.197	300
5	35	-	-	-	-	-	3.335	3.334	300
6	36	-	-	-	-	-	*	*	*

Lưu ý:

1. Minh họa về phân bổ Phí BH cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 2 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản và Phí BH cơ bản của (các) QL BH Gia tăng, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. (*) HĐBH mất hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0.

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH đóng thêm		Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	31	4.250	10.734	-	2.338	5.904	-	6.743	2.765	2.765	300
2	32	4.250	10.734	-	1.488	3.757	-	9.740	2.992	2.992	300
3	33	4.250	10.734	-	850	2.147	-	11.987	3.081	3.081	300
4	34	4.250	10.734	-	425	1.073	-	13.486	3.159	3.158	300
5	35	4.250	10.734	-	319	805	-	13.860	3.270	3.269	300
6	36	4.250	10.734	-	213	537	-	14.235	3.394	3.393	300
7	37	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	3.586	3.583	300
8	38	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	3.792	3.786	300
9	39	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	3.990	3.981	300
10	40	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	4.218	4.205	300
11	41	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	4.452	4.432	300
12	42	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	4.696	4.667	300
13	43	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	5.030	4.990	300
14	44	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	5.447	5.391	300
15	45	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	5.856	5.781	300
16	46	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	6.241	6.141	300
17	47	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	6.678	6.543	300
18	48	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	7.047	6.868	300
19	49	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	7.543	7.312	300
20	50	4.250	10.734	-	149	376	-	14.460	8.034	7.737	300
21	51	-	-	-	-	-	-	-	8.687	8.328	300
22	52	-	-	-	-	-	-	-	9.290	8.881	300
23	53	-	-	-	-	-	-	-	10.135	9.669	300
24	54	-	-	-	-	-	-	-	11.110	10.578	300
25	55	-	-	-	-	-	-	-	12.314	11.708	300
26	56	-	-	-	-	-	-	-	13.629	12.942	300
27	57	-	-	-	-	-	-	-	15.112	14.337	300
28	58	-	-	-	-	-	-	-	16.674	15.806	300
29	59	-	-	-	-	-	-	-	18.247	17.285	300
30	60	-	-	-	-	-	-	-	20.177	19.114	300

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH đóng thêm		Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
31	61	-	-	-	-	-	-	-	22.095	20.914	300
32	62	-	-	-	-	-	-	-	24.256	22.930	300
33	63	-	-	-	-	-	-	-	26.674	25.165	300
34	64	-	-	-	-	-	-	-	29.383	27.661	300
35	65	-	-	-	-	-	-	-	*	32.109	300
36	66	-	-	-	-	-	-	-		31.139	300
37	67	-	-	-	-	-	-	-		37.820	300
38	68	-	-	-	-	-	-	-		*	*

Lưu ý: (*) HDBH mất hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0.

VI. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI SẢN PHẨM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 2 Năm hợp đồng đầu tiên

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH			
		QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại
1	31	500.000	-	3.881		500.000	-	3.907	
2	32	500.000	-	10.803		500.000	-	10.889	
3	33	500.000	-	7.765		500.000	-	7.900	
4	34	500.000	-	4.504		500.000	-	4.675	
5	35	500.000	-	971		500.000	-	1.163	
6	36	HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHĐ nhỏ hơn 0				HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHĐ nhỏ hơn 0			

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí:	02 năm	Tổng số phí đóng:	29.968.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất giả định):	0 đồng		
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất đảm bảo):	0 đồng		

Lưu ý: Minh họa về Quyền lợi sản phẩm cho trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 2 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản của QLBH Cơ bản và Phí BH cơ bản của (các) QLBH Gia tăng, không bao gồm Phí BH đóng thêm.

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				Rút tiền
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH				
		QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
1	31	500.000	-	3.881	-	500.000	-	3.907	-	-
2	32	500.000	-	10.803	-	500.000	-	10.889	-	-
3	33	500.000	-	20.249	5.265	500.000	-	20.444	5.460	-
4	34	500.000	-	31.554	16.570	500.000	-	31.918	16.934	-
5	35	500.000	-	43.585	28.601	500.000	-	44.184	29.200	-
6	36	500.000	-	55.800	43.813	500.000	-	57.266	45.278	-
7	37	500.000	-	68.419	59.428	500.000	-	70.976	61.986	-
8	38	500.000	-	81.213	75.220	500.000	-	85.106	79.113	-
9	39	500.000	-	94.184	91.187	500.000	-	99.662	96.665	-
10	40	500.000	-	107.312	107.312	500.000	-	114.644	114.644	-
11	41	500.000	-	119.404	119.404	500.000	-	130.067	130.067	-
12	42	500.000	-	131.498	131.498	500.000	-	145.961	145.961	-
13	43	500.000	-	143.489	143.489	500.000	-	162.222	162.222	-
14	44	500.000	-	155.300	155.300	500.000	-	178.804	178.804	-
15	45	500.000	-	166.932	166.932	500.000	-	195.732	195.732	-
16	46	500.000	-	178.418	178.418	500.000	-	213.080	213.080	-
17	47	500.000	-	189.682	189.682	500.000	-	230.771	230.771	-
18	48	500.000	-	200.799	200.799	500.000	-	248.925	248.925	-
19	49	500.000	-	211.636	211.636	500.000	-	267.441	267.441	-
20	50	500.000	-	222.206	222.206	500.000	-	286.390	286.390	-
21	51	500.000	-	217.567	217.567	500.000	-	283.397	283.397	-
22	52	500.000	-	212.226	212.226	500.000	-	279.785	279.785	-
23	53	500.000	-	205.923	205.923	500.000	-	275.304	275.304	-
24	54	500.000	-	198.519	198.519	500.000	-	269.830	269.830	-
25	55	500.000	-	189.741	189.741	500.000	-	263.089	263.089	-
26	56	500.000	-	179.457	179.457	500.000	-	254.967	254.967	-
27	57	500.000	-	167.469	167.469	500.000	-	245.272	245.272	-
28	58	500.000	-	153.671	153.671	500.000	-	233.911	233.911	-
29	59	500.000	-	137.998	137.998	500.000	-	220.815	220.815	-

Năm HĐ	Tuổi NDBH	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				Rút tiền
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH				
		QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
30	60	500.000	-	120.061	120.061	500.000	-	205.609	205.609	-
31	61	500.000	-	99.826	99.826	500.000	-	188.279	188.279	-
32	62	500.000	-	77.008	77.008	500.000	-	168.575	168.575	-
33	63	500.000	-	51.284	51.284	500.000	-	146.208	146.208	-
34	64	500.000	-	22.309	22.309	500.000	-	120.871	120.871	-
35	65	HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				500.000	-	90.532	90.532	-
36	66					500.000	-	60.570	60.570	-
37	67					500.000	-	23.253	23.253	-
38	68					HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	20 năm	Tổng số phí đóng (dự kiến):	299.680.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất giả định):	0 đồng	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	0 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất đảm bảo):	0 đồng		

Ghi chú:

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các lãi suất giả định trên chỉ mang tính chất minh họa.
- Lãi suất đảm bảo:** là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung.

Năm hợp đồng	Từ năm 1 đến năm 5	Từ năm 6 đến năm 10	Từ năm 11 trở đi
Lãi suất tối thiểu/năm	4,0%	3,0%	2,0%

- Lãi suất giả định** được minh họa như sau:
 - Trong 20 Năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất giả định được minh họa là 4,5%/năm
 - Từ Năm hợp đồng thứ 21: theo quy định của Bộ Tài chính thì lãi suất giả định được minh họa bằng mức lãi suất đảm bảo là 2,0%/năm.

VII. GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

Phí ban đầu

Là khoản phí được khấu trừ từ số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản	55,0%	35,0%	20,0%	10,0%	7,5%	5,0%	3,5%
% của Phí BH đóng thêm	25,0%	17,5%	10,0%	7,5%	5,0%	3,5%	3,5%

Phí Bảo hiểm được phân bổ

Là khoản phí phân bổ từ số tiền thực đóng sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí Bảo hiểm được phân bổ được nhập vào Quỹ Liên kết chung để đầu tư.

Khoản Khấu trừ hàng tháng

Là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ (bao gồm Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng). Phí rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NĐBH khi tham gia (các) QL BH. Phí Quản lý hợp đồng hiện tại là hai mươi lăm nghìn (25.000) đồng và có thể được điều chỉnh nhưng không quá một trăm nghìn (100.000) đồng.

Phí Quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí Quản lý quỹ tối đa là 2%/năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.

Phí chấm dứt hợp đồng

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1 - 5	6	7	8	9	10+
% của Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên	100%	80%	60%	40%	20%	0%

Phí rút một phần GTTKHĐ

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH rút một phần GTTKHĐ và được xác định theo tỷ lệ phần trăm phí chấm dứt hợp đồng tương ứng với khoản tiền rút ra.

Giá trị Hoàn lại

Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt HĐBH. Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTKHĐ sau khi đã khấu trừ Phí chấm dứt hợp đồng và các Khoản tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại cộng Phí tạm ứng (nếu có).

Phí chấm dứt QL BH Gia tăng

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt QL BH Gia tăng, được tính bằng Tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng tại thời điểm yêu cầu chấm dứt. Tỷ lệ phần trăm áp dụng tương tự như Phí chấm dứt hợp đồng.

Phí điều chỉnh tăng MGBH/ bổ sung QL BH Gia tăng

Là khoản phí để thực hiện các công việc cho việc điều chỉnh tăng Mệnh giá BH hoặc bổ sung QL BH Gia tăng, được xác định cố định năm trăm (500) nghìn đồng/lần và có thể được điều chỉnh nhưng không quá một (1) triệu đồng/lần.

VIII. TÓM TẮT CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM**❖ Đối với Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản**

- Tự tử trong vòng 24 tháng từ Ngày phát hành Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm lần sau cùng (nếu có);
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy;
- Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 7.1 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

- Thương tật đã xảy ra từ trước Ngày phát hành Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày hiệu lực Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng này hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm lần sau cùng (nếu có);
- Tự gây thương tích;
- Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân sự;
- Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 7.3 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng

- Tham gia ẩu đả, đánh nhau;
- Do ảnh hưởng của ma túy, các chất kích thích khác, tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia vào các hoạt động thể thao chuyên nghiệp;
- Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Tình trạng tồn tại trước;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 7.2 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm theo mức độ cho bệnh nan y

- Bệnh Nan Y đã được chẩn đoán xác định hoặc đã được hướng dẫn điều trị trước khi kết thúc Thời hạn hoãn áp dụng;
- Các bệnh lý bẩm sinh;
- Các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại danh sách các Bệnh Nan Y được bảo hiểm;
- Do hành vi vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 7.4 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm hỗ trợ nằm viện mở rộng

- Tham gia ẩu đả, đánh nhau;
- Điều trị liên quan đến thai sản, mắt và/hoặc tai, hoặc điều trị nha khoa ngoại trừ do Tai nạn;
- Điều trị các bệnh/rối loạn tâm thần hay rối loạn tâm lý hay các rối loạn về giấc ngủ;
- Bệnh hoặc tình trạng bất thường do bẩm sinh, di truyền;
- Tình trạng tồn tại trước hoặc bệnh trong thời gian hoãn áp dụng;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 7.5 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây phân tích nhu cầu và khả năng tài chính và tư vấn đầy đủ về Quy tắc & Điều khoản, quyền lợi bảo hiểm, các trường hợp loại trừ bảo hiểm của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A trong tài liệu minh họa này.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã hiểu toàn bộ nội dung tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, hiểu rõ về Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư, các quyền lợi khác và các trường hợp loại trừ bảo hiểm khi tham gia Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao cấp 2015 - Lựa chọn A là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Tôi/Chúng tôi phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ vào ngày đến hạn đóng phí trong 2 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các quyền lợi được minh họa tại Tài liệu minh họa này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư.

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm